

CÁC PHẨM CHẤT CHÚ Ý CỦA LỨA TUỔI THANH NIÊN SINH VIÊN

Hoàng Mộc Lan

Khoa Tâm lý học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Chú ý đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống, trong lao động và trong học tập của cá nhân. Kết quả của các hoạt động phụ thuộc khá lớn vào năng lực chú ý của cá nhân. Chú ý tốt là điều kiện thiết yếu để hoàn thành mọi hoạt động, nhất là hoạt động học tập của học sinh, sinh viên. Chỉ với sự chú ý đầy đủ của học sinh, sinh viên thì việc giảng dạy của giáo viên mới có kết quả. Để góp phần nâng cao sự hiểu biết về khả năng chú ý của sinh viên và nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập ở trường đại học, chúng tôi tiến hành nghiên cứu các phẩm chất đặc trưng của chú ý như khối lượng, sự di chuyển, sức tập trung, sự phân phối, tính bền vững của chú ý của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư từ 18 đến 21 tuổi. Nghiên cứu được tiến hành tại Khoa Tâm lý học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trong năm học 2007 - 2008. Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các trắc nghiệm về khả năng di chuyển chú ý bằng đọc bảng Schulte, về tính bền vững của chú ý bằng bảng tính Kraepelin, khối lượng và sự phân phối chú ý bằng đọc bảng Bourdon, về sức tập trung chú ý bằng bài tập của M. Koussey. Các số liệu nghiên cứu được xử lý bằng các công thức được ghi trong mỗi trắc nghiệm và phương pháp thống kê toán học để tính giá trị trung bình ($\bar{X}$), hệ số biến thiên (CV), độ lệch chuẩn (δ). Để so sánh mức độ chú ý của các nhóm tuổi chúng tôi sử dụng thang quãng cách với quãng cách là $1/4\delta$. Với mục đích làm rõ mức độ phát triển các phẩm chất chú ý của lứa tuổi thanh niên sinh viên, chúng tôi chọn ngẫu nhiên mẫu nghiên cứu là 80 sinh viên tuổi từ 18 đến 21, mỗi nhóm tuổi là 20 người. Số sinh viên đó được chia thành hai nhóm lứa tuổi: 40 sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai (18 - 19 tuổi); 40 sinh viên năm thứ ba, năm thứ tư (20 - 21 tuổi) và hai nhóm theo giới tính: 40 nam và 40 nữ.

Dưới đây là kết quả các trắc nghiệm trên sinh viên.

1. Đặc điểm của các phẩm chất chú ý của sinh viên

Bảng 1: Chỉ số các phẩm chất chú ý của sinh viên theo nhóm tuổi

Lứa tuổi	Phẩm chất chú ý				
	Khối lượng	Sự di chuyển	Tính bền vững	Sức tập trung	Sự phân phối
18 tuổi	10.30	10.10	8.80	11.40	11.55
19 tuổi	10.55	9.45	10.40	9.85	9.80
20 tuổi	10.35	8.90	10.55	11.40	10.55
21 tuổi	11.50	9.20	9.45	11.05	10.05
18 - 19 tuổi	10.42	9.77	9.60	10.62	10.67
20 - 21 tuổi	10.95	9.05	10.00	11.22	10.30

Số liệu của bảng 1 cho thấy các phẩm chất chú ý của các nhóm tuổi sinh viên có mức độ phát triển khác nhau. Nhóm 18 tuổi có các chỉ số tương đối đồng đều về các phẩm chất khối lượng, sự di chuyển, sức tập trung, sự phân phối của chú ý. Chỉ số sức tập trung và sự phân phối chú ý có phần cao hơn so với các phẩm chất còn lại. Chỉ số thấp nhất ở độ tuổi này là tính bền vững của chú ý.

Ở nhóm tuổi tiếp theo, nhóm 19 tuổi, mức độ của các phẩm chất chú ý gần như giống nhau, nhưng so với nhóm tuổi trước có thấp hơn. Riêng tính bền vững của chú ý thì chỉ số cao hơn so với nhóm 18 tuổi.

Trong nhóm 20 tuổi, kết quả trắc nghiệm cho thấy mức độ chú ý có sự thay đổi không đáng kể. Chỉ số tập trung chú ý tăng lên và chỉ số di chuyển chú ý hạ thấp không đáng kể.

Nhóm tuổi sau cùng, 21 tuổi, chỉ số khối lượng chú ý cao hơn, chỉ số sự di chuyển và tính bền vững thấp hơn so với các phẩm chất chú ý khác. Chỉ số các phẩm chất chú ý còn lại tương tự như ở các nhóm tuổi khác. Kết quả nghiên cứu phản ánh một số đặc trưng về các phẩm chất chú ý của sinh viên như sau: khối lượng chú ý có phần tăng lên, sự phân phối và di chuyển chú ý giảm đi từ 18 đến 21 tuổi. Mức độ phát triển các phẩm chất chú ý khác không có sự thay đổi.

Tìm hiểu mức độ chú ý của nhóm sinh viên hai năm đầu (18 - 19 tuổi) với nhóm sinh viên hai năm cuối học đại học (20 - 21 tuổi) cho thấy chỉ số của các phẩm chất chú ý tương đối giống nhau (xem bảng 1). Nhìn chung, mức độ chú ý của sinh viên từ 18 đến 21 tuổi của những năm đầu đến những năm cuối học đại học là ổn định.

2. Sự phát triển chú ý của sinh viên nam và nữ

Vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu là có sự khác nhau về mức độ chú ý của sinh viên nam và nữ hay không ? Kết quả tìm hiểu vấn đề này được thể hiện qua các bảng 2, 3, 4. Số liệu bảng 2 cho thấy, có sự khác nhau về điểm trung bình của sự di chuyển và sự phân phối chú ý. Điểm trung bình của sự di chuyển chú ý của nam cao hơn so với nữ ($X_{\text{nam}} - X_{\text{nữ}} = 11,5$, $t = 3,38$). Ngược lại, điểm trung bình của sự phân phối chú ý của nữ lại cao hơn so với nam ($X_{\text{nữ}} - X_{\text{nam}} = 3,85$, $t = 1,66$). Điểm trung bình của các phẩm chất chú ý còn lại khác nhau không đáng kể. Điều này cho thấy, yếu tố giới tính không ảnh hưởng đến mức độ chú ý, ngoại trừ sự di chuyển chú ý và sự phân phối chú ý. Sự di chuyển chú ý của nam tốt hơn khá rõ rệt so với nữ.

Bảng 2: Chỉ số thống kê các phẩm chất chú ý của sinh viên nam và nữ

Các phẩm chất chú ý	Giới tính					
	Nam (n = 40)			Nữ (n = 40)		
	X	δ	CV	X	δ	CV
Khối lượng	14.28	3.62	25.05	13.35	3.22	24.05
Sự di chuyển	149.09	13.19	8.86	137.59	17.09	12.45
Sức tập trung	23.40	3.71	16.05	22.60	4.36	19.15
Sự phân phối	85.40	11.60	13.05	89.23	9.66	19.85
Tính bền vững	27.28	5.58	21.05	27.55	5.15	18.57

Một vấn đề không kém phần quan trọng là làm rõ mức độ chú ý của sinh viên nam và nữ khi chuyển từ lứa tuổi 18-19 của những năm đầu sang lứa tuổi 20-21 của những năm cuối ở trường đại học. Số liệu trong bảng 3 cho thấy, các chỉ số chú ý của nam ở các nhóm tuổi không có sự khác biệt đáng kể. Riêng sự phân phối và tính bền vững của chú ý của nhóm lớn tuổi có các chỉ số thống kê (CV) và (δ) thấp hơn so với nhóm trẻ tuổi. Như vậy, sự khác nhau giữa các cá nhân trong nhóm nam về hai phẩm chất này sẽ giảm đi ở nhóm tuổi 20-21.

Bảng 3: Chỉ số thống kê các phẩm chất chú ý của sinh viên nam

Các phẩm chất chú ý	Nhóm lứa tuổi					
	18 - 19 tuổi (n = 20)			20 - 21 tuổi (n = 20)		
	X	δ	CV	X	δ	CV
Khối lượng	13,8	3,5	24,4	14,8	3,9	25,9
Sự di chuyển	149,8	11,3	7,6	148,5	15,1	10,3
Sức tập trung	23,6	3,8	15,9	22,5	3,7	15,9
Sự phân phối	84,5	14,3	16,9	85,9	7,3	8,4
Tính bền vững	27,5	7,1	25,8	27,3	4,7	17,1

Phân tích số liệu của nhóm nữ trong bảng 4 cho thấy các chỉ số của các phẩm chất chú ý của hai nhóm tuổi khác biệt không đáng kể, ngoại trừ các chỉ số của sự di chuyển và sự phân phối chú ý. Chỉ số của sự di chuyển và sự phân phối chú ý của nhóm nữ 20 - 21 tuổi phần nào thấp hơn so với nhóm 18 - 19 tuổi. Như vậy, có thể thấy mức độ chú ý của nam và nữ là khác nhau. Quan sát chỉ số thống kê (CV) và (δ) cho thấy trong nhóm nữ cùng với sự tăng lên về độ tuổi, sự khác biệt cá nhân về sự di chuyển và sự phân phối chú ý lớn hơn. Khối lượng chú ý tăng lên, sức tập trung chú ý giảm đi từ 18 đến 21 tuổi. Tính bền vững của chú ý tương đối không thay đổi qua các độ tuổi.

Bảng 4: Chỉ số thống kê các phẩm chất chú ý của sinh viên nữ

Các phẩm chất chú ý	Nhóm lứa tuổi					
	18 - 19 tuổi (n = 20)			20 - 21 tuổi (n = 20)		
	X	δ	CV	X	δ	CV
Khối lượng	13.6	2.8	19.8	13.2	3.8	28.1
Sự di chuyển	141.1	15.9	11.4	133.9	17.9	13.4
Sức tập trung	21.5	4.9	23.4	23.7	3.3	13.8
Sự phân phối	92.6	6.9	7.5	85.9	10.9	12.8
Tính bền vững	27.4	5.4	19.6	27.9	5.3	18.8

Các mức độ phát triển đặc trưng của các phẩm chất chú ý của lứa tuổi sinh viên từ 18 đến 21 tuổi có liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy và học trong trường đại học. Kết quả nghiên cứu bước đầu của chúng tôi với mong muốn giúp giáo viên có thể tham khảo vận dụng đặc điểm chú ý của sinh viên vào giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo trong trường đại học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc, *Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng*, NXB Quân đội nhân dân, 2004.
2. Trần Trọng Thủy, *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, NXB Giáo dục, 1992.
3. Trần Trọng Thủy (chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
4. A.I. Secbakov, *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB Giáo dục Matxcova, 1979.